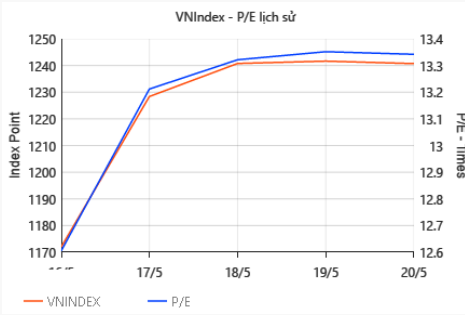


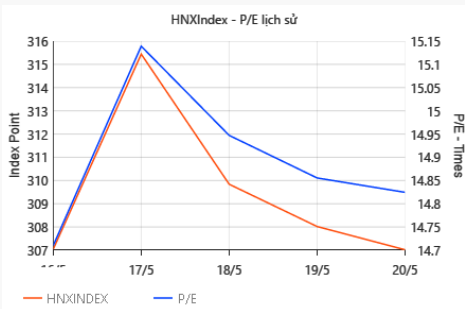


VN-INDEX



Điểm số	1,240.71
Tuần qua (WoW)	4.90%
Từ đầu năm (YTD)	-17.19%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	-12.19%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	-16.84%
P/E	13.34
P/B	2.11

HNX -INDEX



Điểm số	307.02
Tuần qua (WoW)	1.56%
Từ đầu năm (YTD)	-35.23%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	-4.09%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	-0.35%
P/E	14.82
P/B	1.73

TÂM LÝ E NGẠI RỦI RO

NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC

Thị trường chứng khoán chịu tác động của các chu kỳ kinh tế, chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp, chu kỳ tín dụng/tiền tệ chung và cả chu kỳ tâm lý của nhà đầu tư trên thị trường. Và các biến động nhanh và mạnh trong ngắn hạn thường đa phần do sự thay đổi trong tâm lý của thị trường nói chung và để đơn giản hóa có thuật ngữ tiếng anh là risk on và risk off để thể hiện điều kiện thị trường hiện tại đang ở trong giai đoạn chấp nhận rủi ro hay e ngại rủi ro.

Nếu trước tháng 4 tâm lý nhìn chung là chấp nhận rủi ro (risk on), dòng tiền chấp nhận mua vào cổ phiếu tại vùng giá cao, thể hiện kỳ vọng cao vào tăng trưởng của doanh nghiệp trong tương lai bất chấp nhiều rủi ro về địa chính trị đã được nhắc đến. Thì tại thời điểm hiện tại sau nhịp giảm rất mạnh của thị trường, tâm lý đã thay đổi với đà rơi điếm quá mạnh. Lúc này dòng tiền trở nên e ngại rủi ro (risk off) và dù giá cổ phiếu nhìn chung đã điều chỉnh rất sâu và cho biên an toàn cao hơn hẳn so với giai đoạn trước thì lực cầu bắt đáy vẫn rất dè dặt. Điểm quan trọng khi quan sát tâm lý thị trường chúng ta thường dễ nhận thấy tâm lý thường biến động một cách cực đoan trước khi có sự điều chỉnh. Nếu giai đoạn trước chúng ta thấy nhiều cổ phiếu tăng bằng lần thì hiện tại nhiều cổ phiếu đã điều chỉnh quá nửa thị giá và có thể đã lấy đi toàn bộ đà tăng trong 2 năm vừa qua.

Dòng tiền hoàn toàn có cơ sở để trở nên bi quan hơn trước rủi ro thắt chặt chính sách tiền tệ hay rủi ro lạm phát, tuy nhiên mức chiết khấu cao của nhiều cổ phiếu tiềm năng đã cho biên an toàn tốt để cân nhắc đầu tư nếu đây là các cổ phiếu có triển vọng tăng trưởng ổn định đặt trong kịch bản lạm phát tăng khiến chính sách tiền tệ thắt chặt.

CHIẾN THUẬT GIAO DỊCH

Tiếp tục duy trì quan điểm đã đưa ra trong tuần trước: Với những vị thế không sử dụng đòn bẩy thì việc bán ra tại thời điểm này khả năng sẽ gây ra thiệt hại quá mức cần thiết. Với những tài khoản mà tỉ lệ tiền mặt lại đang ở mức cao thì tuy thời điểm này dù còn hơi sớm nhưng việc bắt đầu giải ngân, cho mục tiêu trung dài hạn, hoàn toàn có thể được xem xét.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

Danh mục Năm giữ & Danh mục Giao dịch: không điều chỉnh trong tuần.

Nội dung	Tr.	Nội dung	Tr.
Danh mục Khuyến nghị	2	News focus	6
Nhận định chiến lược	3	Factset	6
PTKT VN-Index	5	Lịch đầu tư tuần tới	14



DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM

Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
BID	24/02/22	1	44,600	Mua	55,000	17.0%	59.4%		-22.6%
TCB	27/01/22	1	52,400	Mua	64,500	23.1%	80.7%		-31.9%
MWG*	06/08/21	3	114,000	Nắm giữ	122,300	7.3%		9.6%	175.4%
CTG	04/08/21	1	33,200	Mua	38,400	15.7%	48.3%		-22.0%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	11.7%		19.1%
HAH*	03/08/21	3	34,300	Nắm giữ	42,100	22.7%		73.4%	347.9%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	36.5%		-2.0%
VHM*	31/05/21	2	77,600	Nắm giữ	77,500	0%	16.1%		15.0%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.7%		19.5%	37.1%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%		86.1%	108.8%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%	0.2%		61.4%
VPB*	05/02/21	2	22,820	Nắm giữ	24,670	8.1%		24.0%	117.6%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	20.7%		113.3%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	24.4%		2.2%
TPB*	05/02/21	1	19,778	Nắm giữ	25,556	29.2%		22.9%	58.8%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.3%		26.2%	107.8%
SBT*	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	39.3%		-12.7%
QNS*	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	20.8%		20.2%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.



Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/ Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
BMC	11/10/21	25,200 - 27,200	45,200	21,100	1:3	-42.8%
TNG	24/08/21	25,060 - 26,450	34,780	23,600	1:3	3.2%
SLS	18/08/21	131,000 - 147,000	212,000	125,000	1:3	-2.2%
BWE	16/07/21	35,000 - 36,000	45,000	32,900	1:3	34.9%
LAS*	21/06/21	13,000 - 14,000	19,000	11,800	1:2.3	1.4%
ABI*	17/06/21	45,614 - 49,123	65,789	42,982	1:2.7	0.2%
VND*	09/06/21	15,100 - 16,100	21,500	14,000	1:2.5	52.8%
DPG*	31/05/21	27,500 - 28,929	43,571	25,000	1:4	79.1%
GVR	28/05/21	26,300 - 29,500	48,400	23,900	1:3.5	-19.7%
BID	28/05/21	36,400 - 38,400	51,600	33,600	1:3	-10.2%
SSI*	20/05/21	25,100 - 26,950	35,250	23,100	1:2	5.6%
SGR	12/05/21	25,500 - 28,500	44,000	24,000	1:3.5	-20.6%
BSR*	11/05/21	14,900 - 16,100	22,000	13,600	1:2.3	45.3%
SMC*	11/05/21	34,800 - 37,500	50,000	31,000	1:2	-30.1%
BCG*	12/04/21	13,200 - 13,600	17,533	12,333	1:3	46.3%
GMD*	07/04/21	33,800 - 35,000	53,800	32,700	1:5	42.3%
STB*	30/03/21	19,500 - 21,000	28,500	18,300	1:3	2.9%
TTF*	29/03/21	6,900 - 7,500	13,000	6,200	1:4	22.4%
VIC*	26/03/21	96,900-101,300	128,900	95,100	1:4.5	-23.2%
VCB	18/03/21	74,530 - 76,250	97,000	72,700	1:6	-1.2%
GEG*	08/03/21	16,550 - 17,650	25,700	15,455	1:4	23.2%
FCN*	08/03/21	13,700 - 14,700	21,700	13,100	1:4.5	13.3%
PVD*	05/03/21	23,500 - 25,500	40,000	21,900	1:4	-5.2%
TIG*	05/03/21	7,545 - 8,455	13,636	7,273	1:4.5	90.4%
GAS*	17/02/21	80,000 - 83,500	117,000	73,700	1:3.5	25.1%
CNG*	17/02/21	19,900 - 21,000	29,500	18,600	1:3.5	57.1%
CCL*	17/02/21	10,000 - 11,000	18,000	8,700	1:3	-6.8%
SAM*	17/02/21	10,730 - 11,590	21,555	9,770	1:5	1.8%
LAF*	27/01/21	12,800 - 14,500	21,500	11,800	1:2.5	-100.0%
VSH*	25/01/21	18,000 - 19,700	30,000	16,900	1:3.5	64.5%
MSR*	21/12/20	19,000 - 21,000	31,000	17,800	1:3	0.0%
SFI*	09/12/20	29,200 - 31,000	46,500	27,700	1:5	126.1%
PGV*	23/11/20	13,810 - 14,762	23,810	12,571	1:4	96.5%
CKG*	19/11/20	8,230 - 8,650	11,300	7,890	1:3.5	130.1%
DRI*	20/10/20	4,430 - 4,930	9,930	3,630	1:4	137.3%



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Dù bắt đầu tuần bằng một phiên điều chỉnh mạnh khá là tiêu cực, chỉ số chính vẫn tìm được lực cầu bắt đáy tại vùng quanh 1,200 điểm với mức định giá thấp nhất trong nhiều năm qua do nhiều cổ phiếu vẫn đang tiếp tục ra báo cáo kết quả kinh doanh quý 1 tích cực. VN-Index hồi đến 4.9% trong tuần qua trong khi nhóm Midcap là nhóm tăng điểm mạnh nhất trong tuần qua với mức tăng gần 7% của chỉ số VN70, mức hồi phục thậm chí còn mạnh hơn cả nhóm điều chỉnh sâu hơn giai đoạn vừa qua là Smallcap với chỉ 6.2%. VN30 tăng 4.8% trong tuần đảo hạn phái sinh.

Sau chuỗi ngày điều chỉnh sâu, hầu hết các mã trụ và gần như toàn bộ các nhóm ngành đều tăng điểm trên mức đáy thấp của tuần giao dịch liền trước, dòng tiền tập trung hơn vào nhóm Bất động sản so với Ngân hàng.

Khối ngoại tiếp tục thực hiện chiến lược mua thấp bán cao: mua mạnh trong phiên rơi điểm (thứ 2 đầu tuần) và bán ra trong các phiên tăng điểm, đặc biệt là phiên cuối tuần.

Điểm khá thú vị là việc trở lại của dữ liệu giao dịch tự doanh từ 17/05/2022 và con số bán gần 640 tỷ của khối này trong ngày đảo hạn phái sinh. Sang tháng, chúng ta sẽ có thêm giao dịch của khối tự doanh trên sàn HNX.

Một điểm đáng chú ý là trên sàn HNX, cổ phiếu THD của Thaiholding tiếp tục điều chỉnh 33.7% trong tuần qua khi tập đoàn này đã tiến hành trả lại số tiền 840 tỷ cho Tân Hoàng Minh. Đây là số tiền tập đoàn này thu được khi bán cổ phần tại Bình Minh Group – chủ sở hữu dự án 11A Cát Linh, Hà Nội cho Tân Hoàng Minh. Khi Tân Hoàng Minh có sai phạm khi huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu và buộc phải trả lại tiền cho trái chủ. Việc giao dịch bị hủy bỏ đã khiến lợi nhuận của THD năm 2021 phải giảm từ 1.156 tỷ xuống còn 424 tỷ và việc cổ phiếu lao dốc không có gì lạ. Thực tế với thanh khoản của THD chúng tôi cho rằng dòng tiền thị trường cũng không bị thu hút nhiều vào cổ phiếu này. Tuy nhiên đây sẽ là trường hợp ví dụ cho tác động lan tỏa của việc siết thị trường trái phiếu doanh nghiệp.

Liên hệ tới bình diện quốc tế, các thị trường trái phiếu doanh nghiệp cũng xuất hiện xu hướng risk off và chịu điều chỉnh trong tuần qua khi chứng kiến nhiều thị trường cổ phiếu lao dốc, đặc biệt nhiều đơn vị nghiên cứu theo dõi thị trường Mỹ cho rằng Nasdaq đã xác nhận bước vào thị trường con gấu. Phần bù rủi ro tín dụng (credit spreads) giữa các trái phiếu toàn cầu xếp hạng đầu tư (investment grade) và cái trái phiếu lợi suất cao (xếp hạng thấp) đã nói rộng trong tuần giao dịch vừa qua.

Chính sách tiền tệ giữa 2 nền kinh tế lớn nhất thế giới nhiều khả năng sẽ ngược nhau trong dài hạn (Mỹ thắt chặt trong khi Trung Quốc nới lỏng) khi số liệu dự phóng tăng trưởng kinh tế đang cho thấy năm nay có thể kinh tế Mỹ sẽ tăng trưởng nhanh hơn Trung Quốc lần đầu tiên từ năm 1976.



VN-INDEX



(Đồ thị tuần của VNIndex)



(Đồ thị ngày của VNIndex)

Nhận định

VNINDEX có tuần tăng đầu tiên sau 6 tuần giảm liên tiếp, mức tăng 4.9%, mở cửa tuần cao hơn hẳn tham chiếu và cao hơn nhiều mức thấp nhất tuần, đóng cửa tuần cao hơn mở cửa và thấp hơn mức cao nhất tuần, khối lượng giao dịch cả tuần thấp hơn tuần liền trước và thấp hơn trung bình.

Trong ngày thứ hai đầu tuần, dù mở cửa rất tích cực nhưng thị trường lại suy yếu sau đó và đóng cửa ở mức gần như thấp nhất ngày, tuy nhiên áp lực bán thì lại cho thấy dấu hiệu suy yếu rõ ràng. Và hệ quả của việc không còn chịu áp lực bán mạnh là VNIndex bật tăng mạnh trong ngày thứ ba với mức tăng 4.8%. Trong ba ngày còn lại của tuần, khi lực mua không được gia tăng thêm và lực bán cũng không mạnh trở lại, thị trường chuyển thành đi ngang trong biên độ hẹp hơn.

Cán cân lúc này là việc lực bán cho thấy dấu hiệu cạn kiệt và do đó lép vế hơn so với lực mua, dù lực mua cũng không mạnh. Trong ngày thứ sáu cuối tuần, chúng ta thấy thị trường hồi phục một chút vào phần cuối ngày, đó có thể là gợi ý cho việc VNIndex có thể



tăng tiếp từ đây. Nhưng kể cả là như vậy thì có lẽ lực bán sẽ xuất hiện trở lại ở một khu vực điểm cao hơn.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,180 – 1,200
Kháng cự	1,400



THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG

1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Các trạng thái đã chốt lời một phần của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Giá đóng cửa tại ngày chốt	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	70,800	416.8%	76,500	458.4%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	97,000	265.7%	104,500	294.0%

Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	1:3	508.0%	100,000	629.9%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	1:4	322.3%	125,200	372.1%
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	55.1%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	281.8%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG*	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.



FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

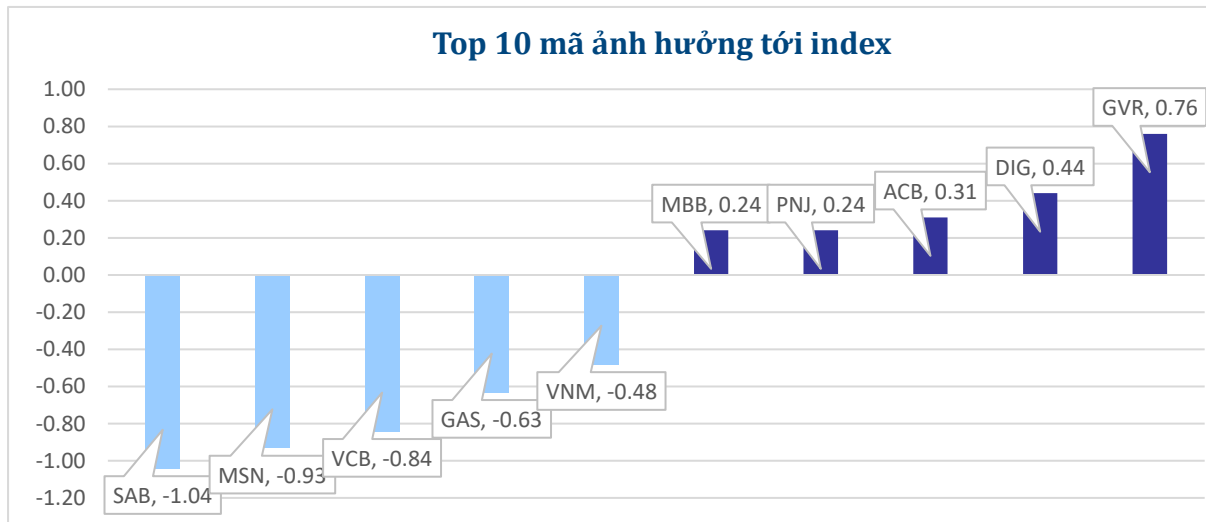
BIẾN ĐỘNG PHIÊN CUỐI TUẦN

Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,240.71	-0.07%	-0.93	504.69	12,460.1	209	71	223
Vn30 - Index	1,282.51	-0.08%	-1.04	117.41	4,242.8	10	3	17
Vn - Mid	1,677.28	0.69%	11.49	187.32	5,326.4	40	7	23
VN - Small	1,607.42	0.86%	13.78	105.48	1,962.5	104	33	78
HNX - Index	307.02	-0.33%	-1.00	70.13	1,522.4	99	47	198
Upcom - Index	94.11	-0.50%	-0.47	54.93	700.4	214	83	144

THANH KHOẢN PHIÊN CUỐI TUẦN

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	12,460.10	-2.62%	504.69	1.60%
HNX	1,522.40	-13.65%	70.13	-11.85%

CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG PHIÊN

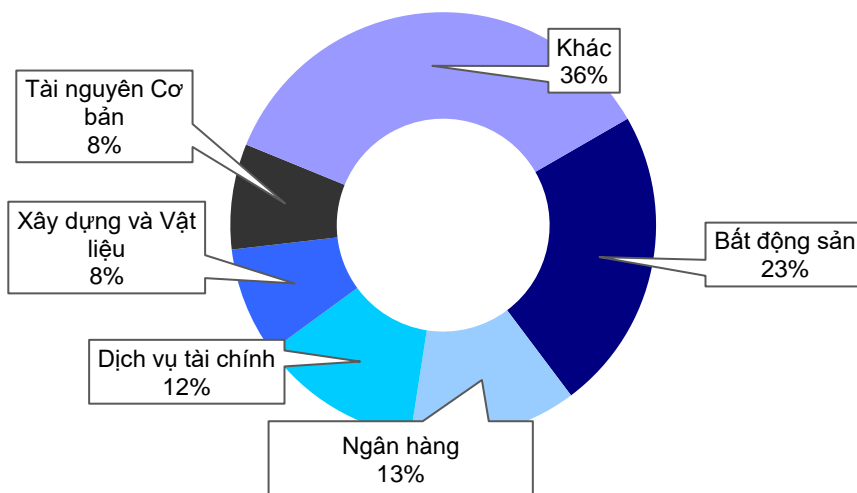


Top KLGĐ (triệu cổ phiếu)		Top GTGD (tỷ đồng)		Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)		Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)		Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	
HAG	20.47	HPG	524.2	CKG	263%	HUT	9.7%	HAH	-4.1%
SSI	16.55	SSI	476.9	HPX	243%	CKG	7.0%	SAB	-3.9%
STB	14.33	DIG	476.7	NBB	242%	CII	6.9%	PVC	-3.5%
HPG	13.93	DPM	319.8	ADS	224%	PET	6.9%	PVS	-2.8%
GEX	13.14	STB	311.1	FCN	198%	NBB	6.8%	ANV	-2.7%

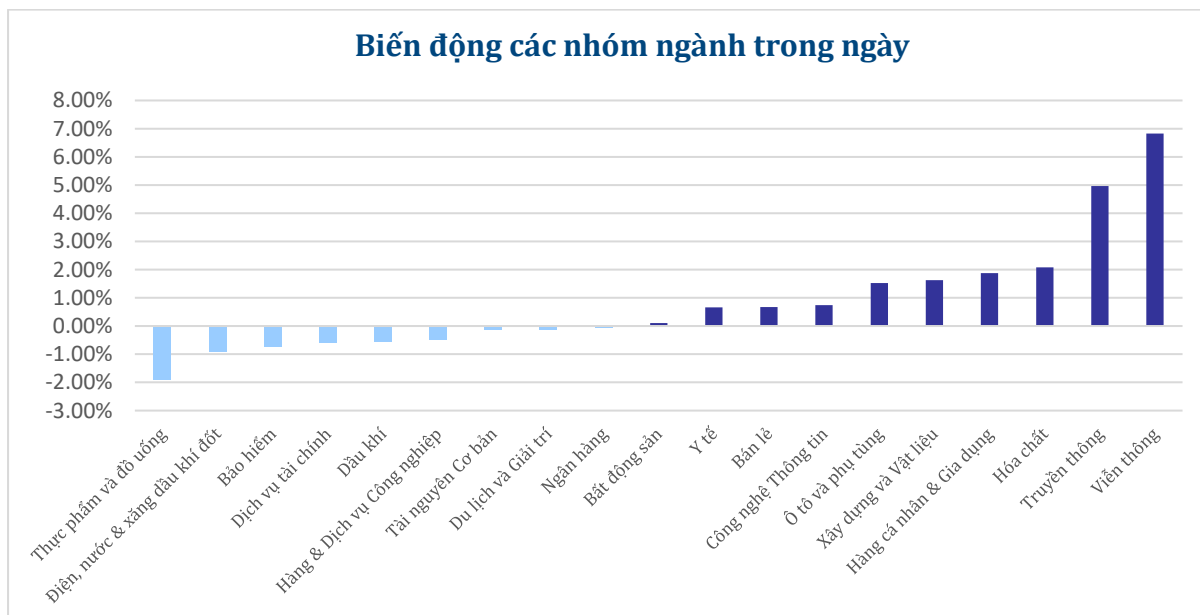


NHÓM NGÀNH

Thanh khoản ngành trong ngày



Biến động các nhóm ngành trong ngày

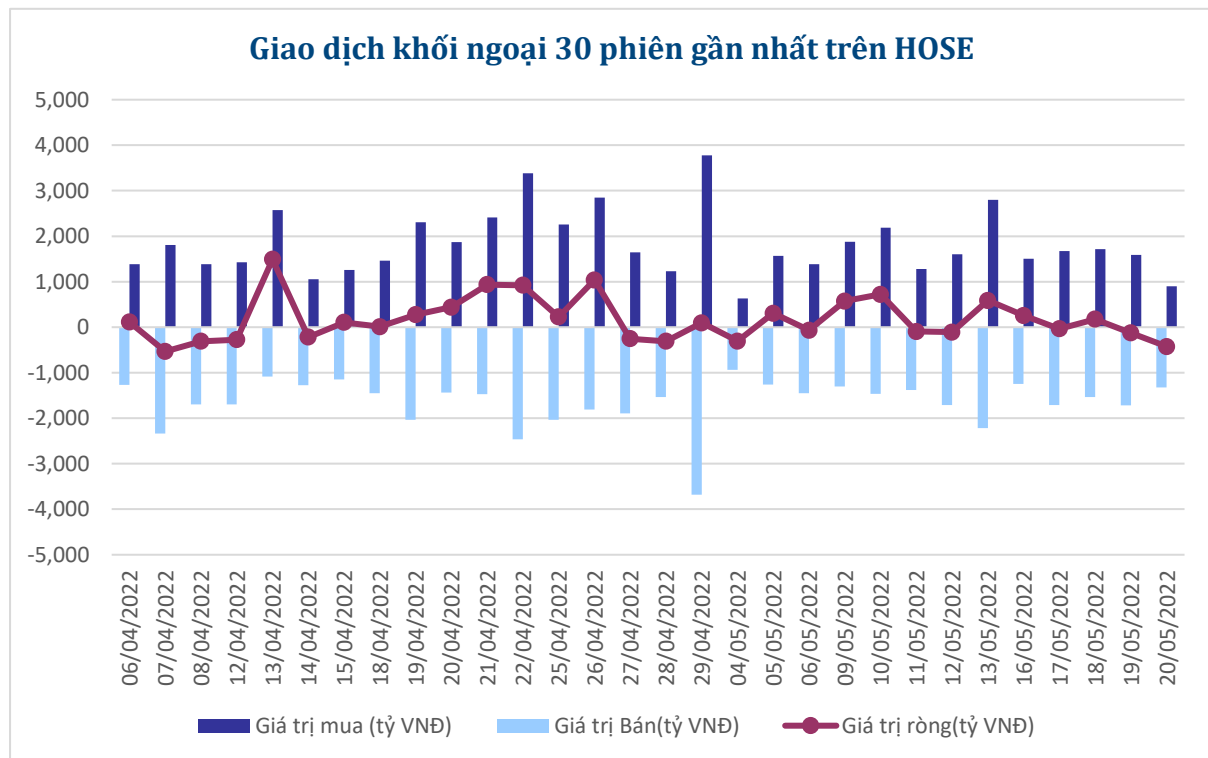




GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

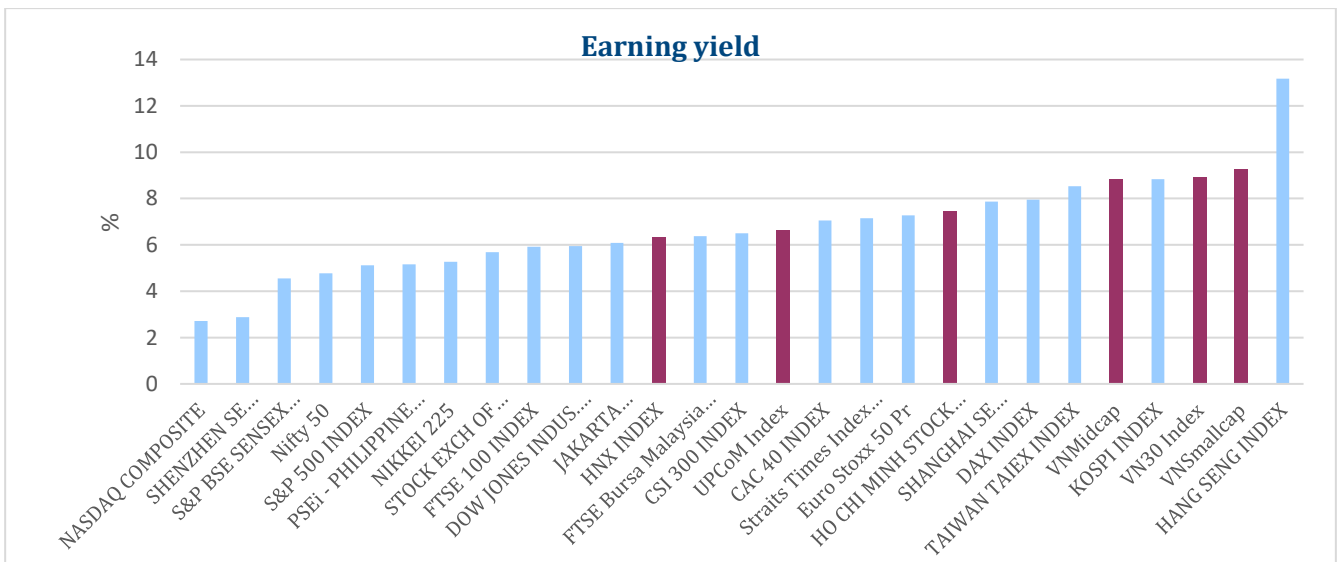
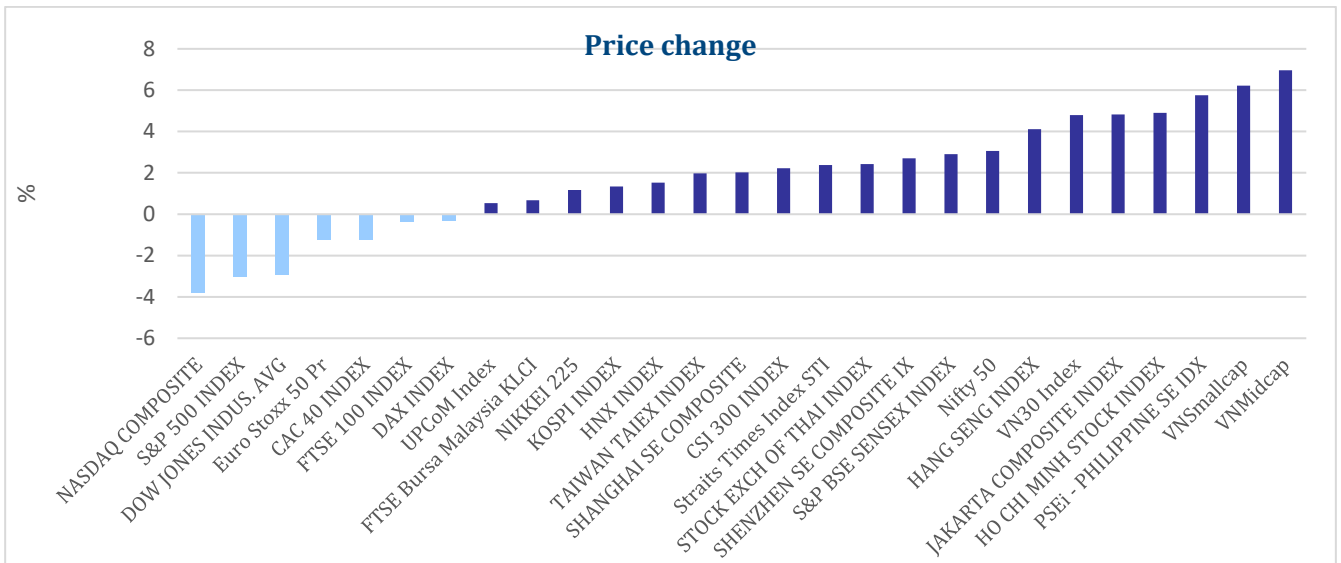
Trên HOSE bán ròng 423.46 tỷ đồng còn trên HNX mua ròng 1.95 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
DPM	129.15	HPG	165.75
FUEVFNVD	41.39	SSI	137.52
DCM	29.80	VIC	71.96
HDB	21.68	DGC	44.28
HDG	20.66	VCI	32.07





BIẾN ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU TRONG TUẦN

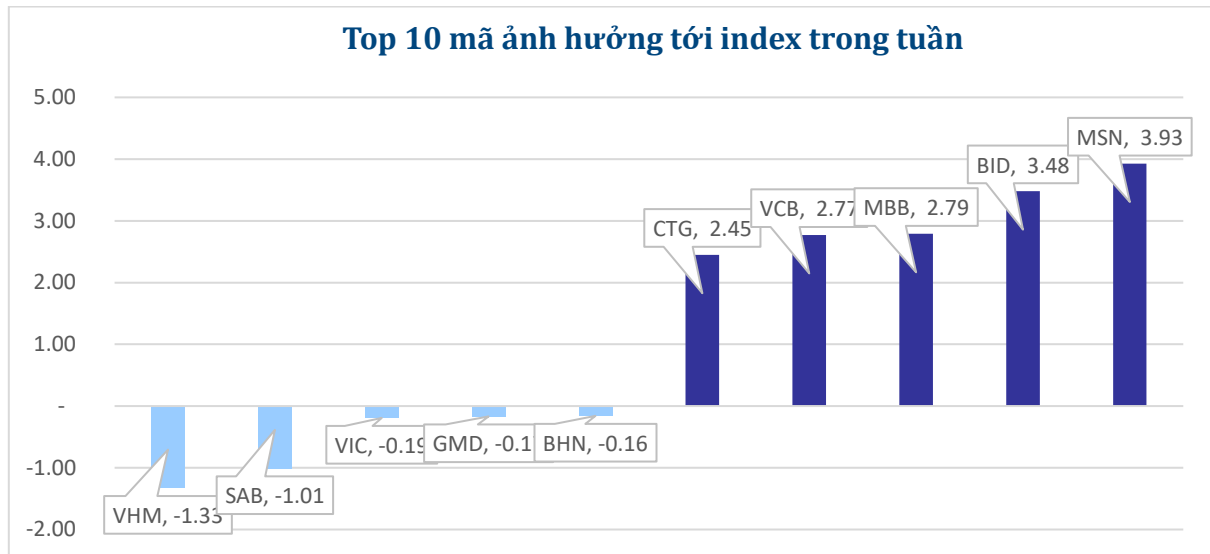


ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG (P/E lịch sử 12 tháng gần nhất)



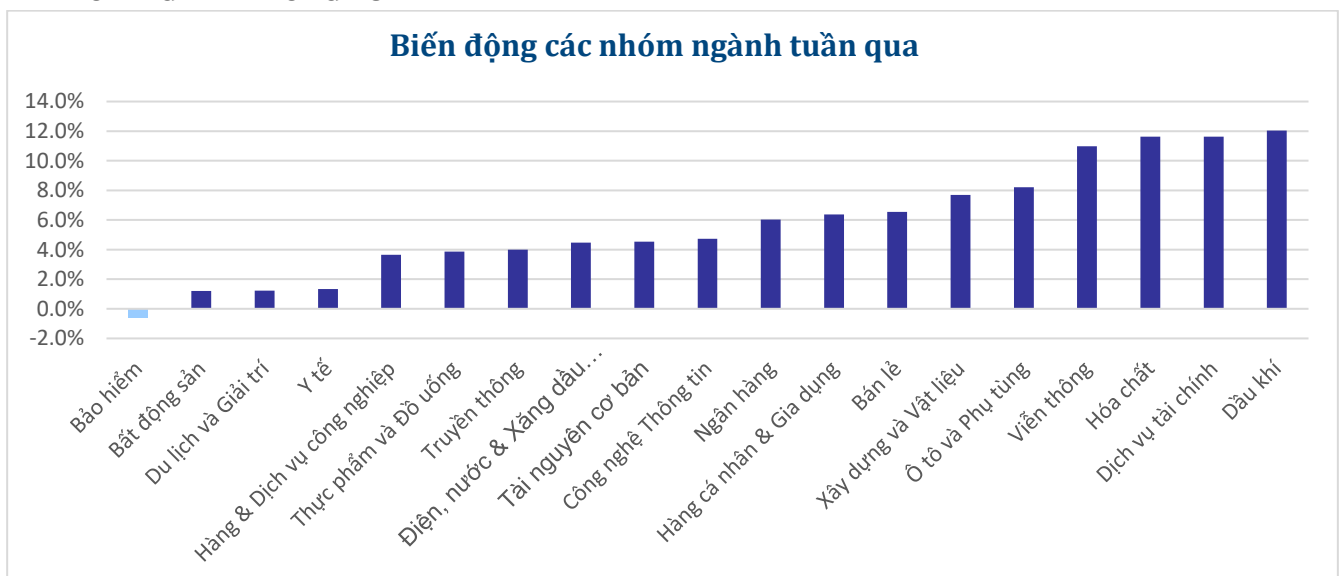


CỔ PHIẾU NỔI BẬT TUẦN QUA



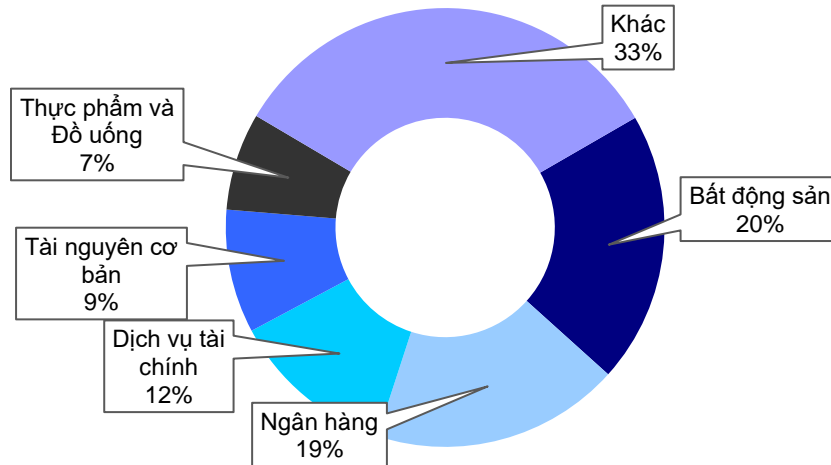
Top KLGD (triệu cp/phiên)		Top GTGD (tỷ đồng/phiên)		Đột biến khối lượng (KLtuan/KL3thang) đv: lần		Top tăng điểm với thanh khoản cao		Top giảm điểm với thanh khoản cao	
STB	25.9	HPG	738.6	HDA	2.54x	CEO	28.2%	ACL	-4.8%
HPG	19.8	SSI	562.5	SHS	2.10x	BSR	24.7%	OGC	-4.4%
SSI	19.7	STB	537.7	SSI	1.78x	VCI	23.5%	VPG	-4.3%
PVS	13.6	DIG	405.0	STB	1.57x	SHS	23.4%	GMD	-4.2%
GEX	13.3	PVS	367.7	VCI	1.55x	PVD	22.1%	PAS	-3.8%

NHÓM NGÀNH TRONG TUẦN





Đóng góp thanh khoản trong tuần

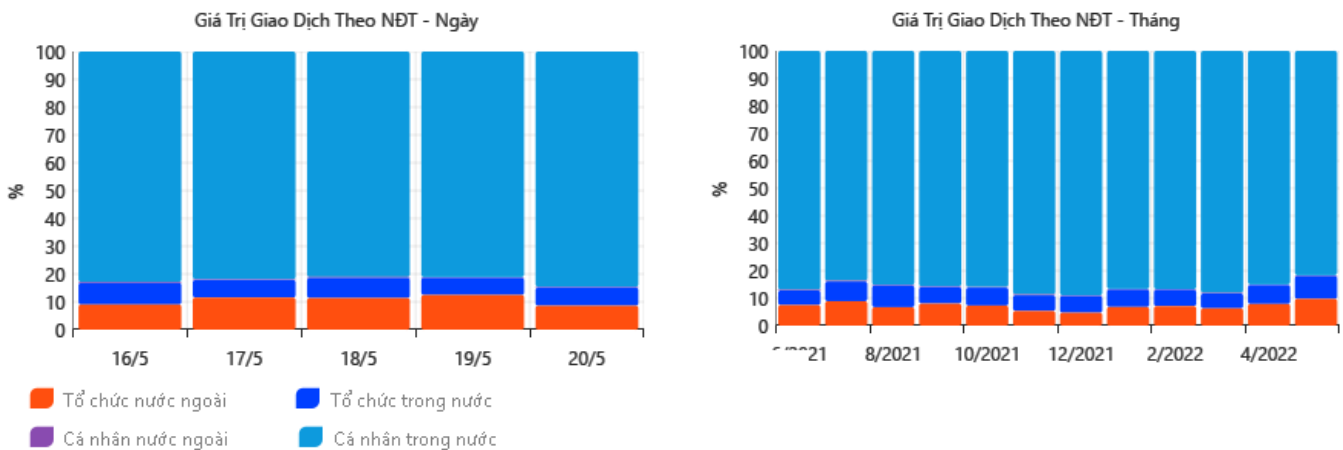


DÒNG TIỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG

GIAO DỊCH THEO NHÀ ĐẦU TƯ

Top giao dịch của Cá nhân			Top giao dịch của Tổ chức		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
HPG	4.87%	5,317.6	HPG	4.87%	2,363.8
SSI	10.27%	4,531.2	STB	5.62%	1,246.3
STB	5.62%	4,498.9	VHM	-1.76%	1,229.1
DIG	19.84%	3,767.9	SSI	10.27%	1,069.3
TCB	5.62%	3,062.8	VIC	-0.26%	901.9

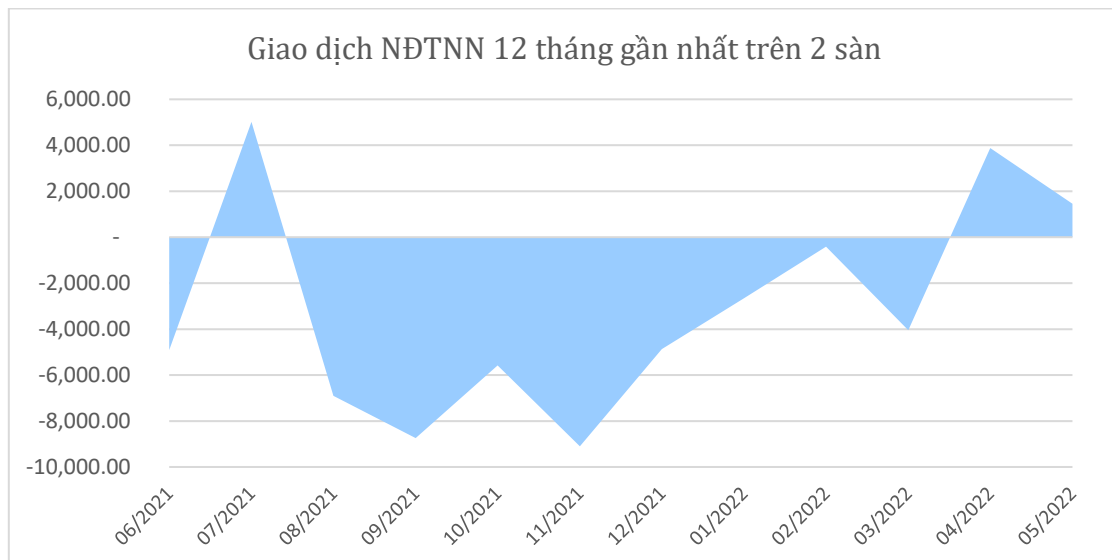
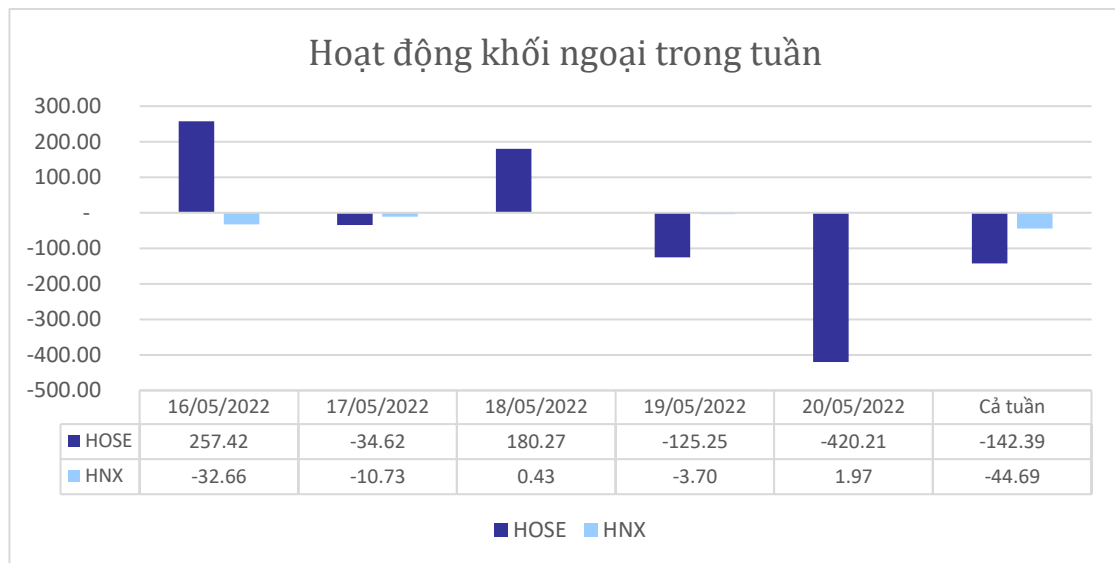
Tỷ trọng giao dịch





KHỐI NGOẠI

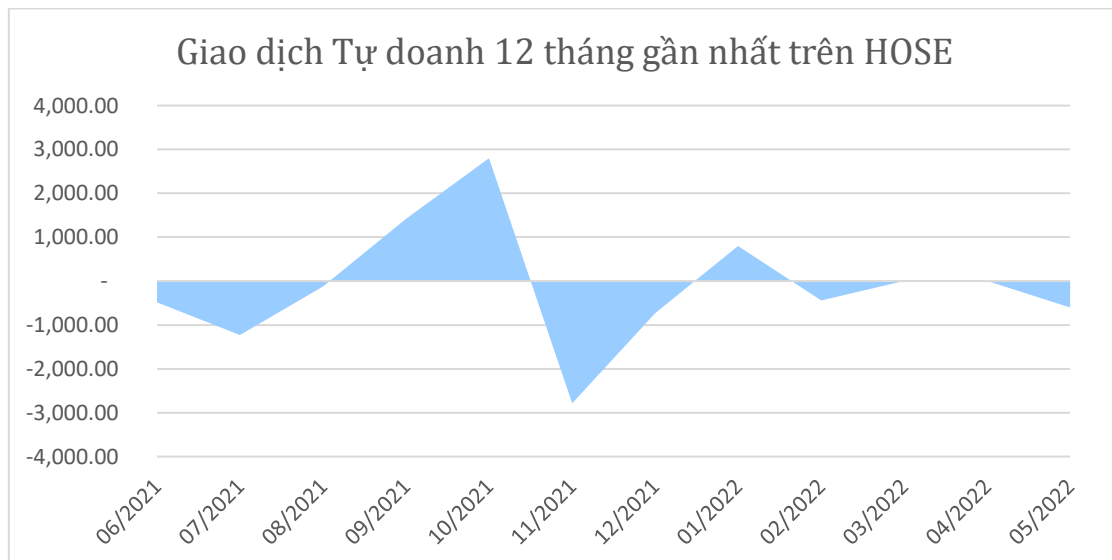
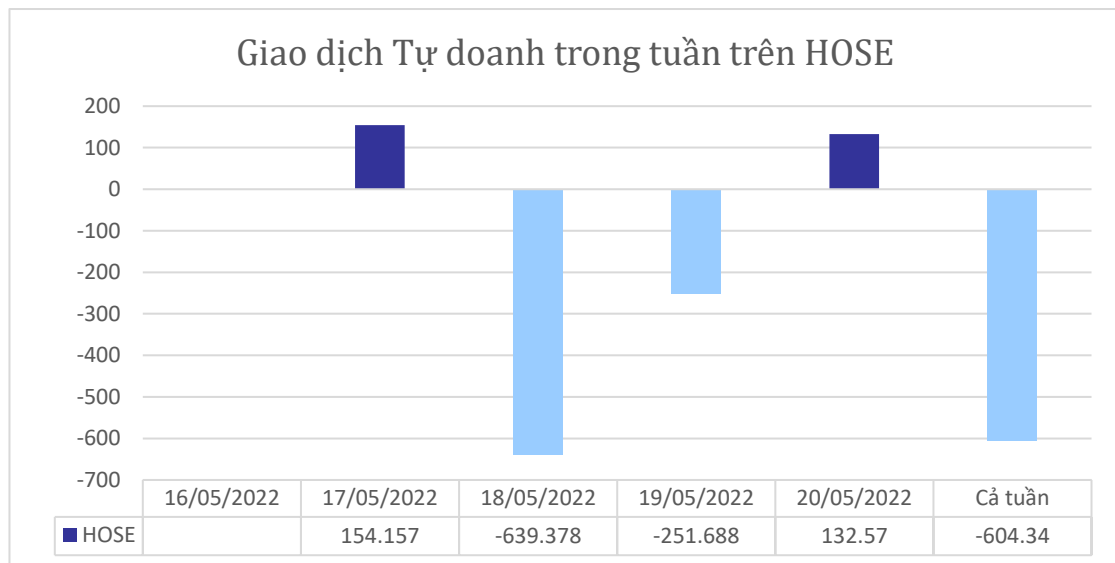
Top khối ngoại mua ròng			Top khối ngoại bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
DPM	12.12%	220.79	SSI	10.27%	575.85
VNM	3.03%	147.19	HPG	4.87%	422.12
MSN	11.25%	134.02	STB	5.62%	194.02
FUEVFNVD	2.51%	104.09	VIC	-0.26%	135.14
DCM	16.22%	100.20	VCB	3.15%	132.26





KHOẢN TỰ DOANH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

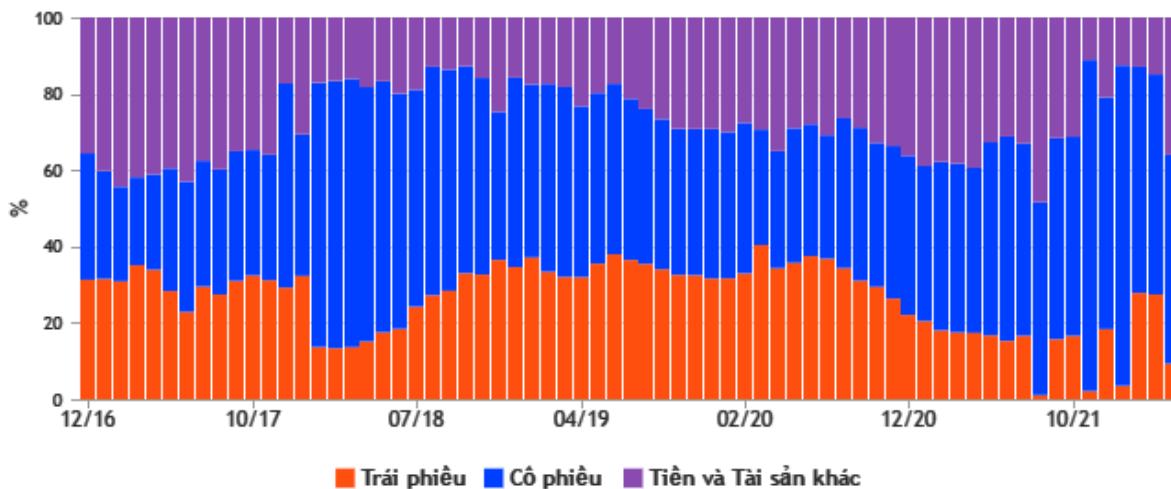
Top Tự doanh Mua ròng			Top Tự doanh Bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
DXG	0.37%	69.48	VIC	-0.26%	89.05
APH	2.86%	30.00	MSN	11.25%	80.64
STB	5.62%	16.71	VHM	-1.76%	62.96
REE	8.18%	16.69	VNM	3.03%	53.08
GMD	-4.23%	15.02	GAS	4.50%	48.43



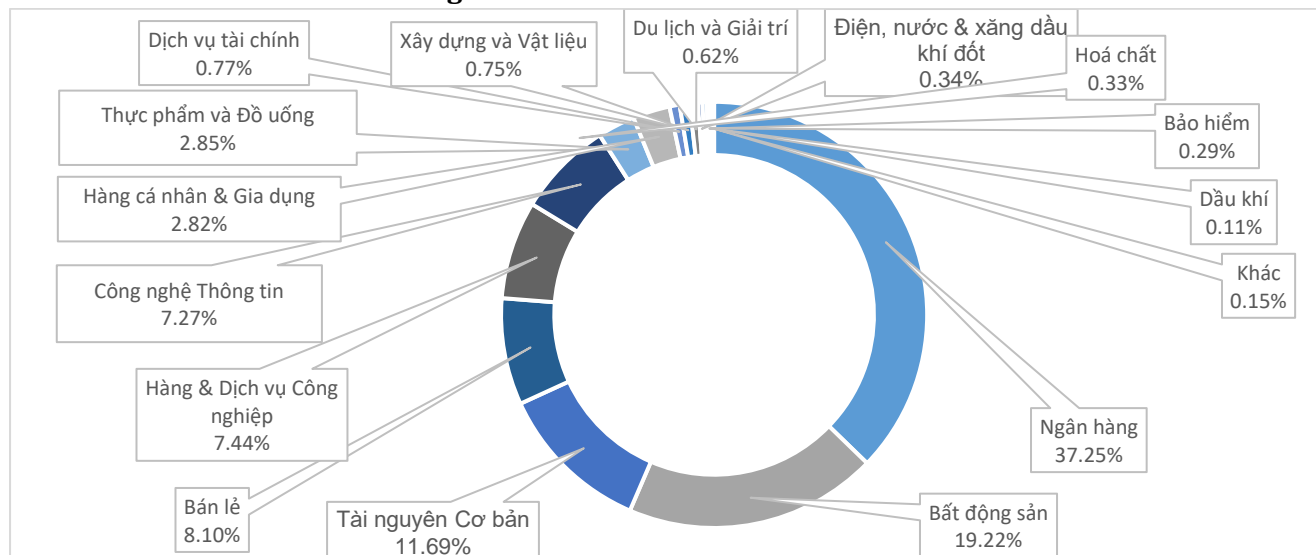


TỔ CHỨC (do finrpo platform theo dõi)

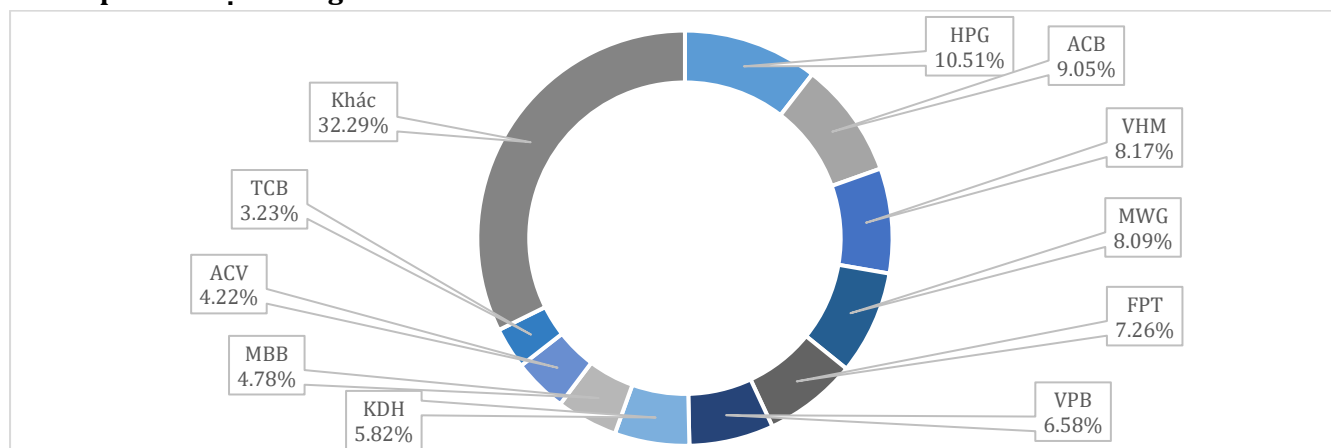
Phân bổ tài sản



Phân bổ các khoản đầu tư theo ngành



Các cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất





LỊCH SỰ KIẾN TUẦN TỚI

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIẾN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
APS	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	23/05/22	24/05/22	23/05/22
CIA	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	23/05/22	24/05/22	23/05/22
CTS	HSX	Giao dịch 8.510.235 cp niêm yết bổ sung			23/05/22
FOX	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	23/05/22	24/05/22	25/08/22
VFG	HSX	Chi trả cổ tức đợt cuối năm 2021 (1.500 đ/cp)	23/05/22	24/05/22	14/06/22
CPH	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.640đ/cp)	23/05/22	24/05/22	03/06/22
SJG	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	23/05/22	24/05/22	23/05/22
UMC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (300đ/cp)	23/05/22	24/05/22	08/06/22
MAS	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	23/05/22	24/05/22	23/05/22
D2D	HSX	Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2021 (3.500 đ/cp)	23/05/22	24/05/22	02/06/22
MPC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	23/05/22	24/05/22	23/05/22
MTS	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (700đ/cp)	23/05/22	24/05/22	09/06/22
HCM	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2021	23/05/22	24/05/22	20/06/22
SBD	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	23/05/22	24/05/22	23/05/22
SVD	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2022	23/05/22	24/05/22	23/05/22
SSH	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	23/05/22	24/05/22	23/05/22
CVN	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	23/05/22	24/05/22	23/05/22
DNL	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500đ/cp)	23/05/22	24/05/22	07/06/22
TMG	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (3.700đ/cp)	23/05/22	24/05/22	31/05/22
UDC	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2022	23/05/22	24/05/22	24/06/22
MRF	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500đ/cp)	23/05/22	24/05/22	08/06/22
TS4	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	24/05/22	25/05/22	24/05/22
NFC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (800 đ/cp)	24/05/22	25/05/22	10/06/22
ASG	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2022	24/05/22	25/05/22	22/06/22
STH	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	24/05/22	25/05/22	24/05/22
DRH	HSX	Niêm yết bổ sung 63.353.933 cp		24/05/22	24/05/22
BTG	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	24/05/22	25/05/22	24/05/22
RAL	HSX	Niêm yết bổ sung 10.872.419 cp		24/05/22	24/05/22
BBM	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (600đ/cp)	24/05/22	25/05/22	15/06/22
NLG	HSX	Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2021 (5.587 đ/cp)	24/05/22	25/05/22	30/06/22
VCG	HSX	Trả cổ tức còn lại năm 2021 (1.200 đ/cp)	24/05/22	25/05/22	24/06/22
IDP	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (4.000đ/cp)	24/05/22	25/05/22	06/06/22
SRA	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	24/05/22	25/05/22	24/05/22
KHP	HSX	Trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 1000:25)	24/05/22	25/05/22	24/05/22
SSU	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (250đ/cp)	24/05/22	25/05/22	09/06/22
SGP	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (600đ/cp)	24/05/22	25/05/22	24/06/22
SDA	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	24/05/22	25/05/22	24/05/22
LBC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	24/05/22	25/05/22	24/05/22
TOS	Upcom	Trả cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 15,679%)	24/05/22	25/05/22	24/05/22
TUG	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	24/05/22	25/05/22	24/05/22
TV3	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	24/05/22	25/05/22	24/05/22
KHG	HSX	Giao dịch cổ phiếu thay đổi niêm yết			24/05/22



MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
VKC	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	24/05/22	25/05/22	24/05/22
LLM	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	24/05/22	25/05/22	24/05/22
TPC	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (700 đ/cp)	24/05/22	25/05/22	27/06/22
QCG	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	24/05/22	25/05/22	24/05/22
SPM	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	24/05/22	25/05/22	24/05/22
BSP	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500đ/cp)	24/05/22	25/05/22	06/06/22
PMB	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	24/05/22	25/05/22	24/05/22
KHA	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	24/05/22	25/05/22	24/05/22
TIX	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022 (1.250 đ/cp)	24/05/22	25/05/22	27/06/22
DS3	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	25/05/22	26/05/22	25/05/22
VIR	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	25/05/22	26/05/22	25/05/22
MND	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (560đ/cp)	25/05/22	26/05/22	17/06/22
HPI	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	25/05/22	26/05/22	25/05/22
TV6	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	25/05/22	26/05/22	25/05/22
PTH	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	25/05/22	26/05/22	15/06/22
CEG	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	25/05/22	26/05/22	25/05/22
SD2	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	25/05/22	26/05/22	25/05/22
NNG	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	25/05/22	26/05/22	25/05/22
PRT	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	25/05/22	26/05/22	25/05/22
CMK	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (700đ/cp)	25/05/22	26/05/22	16/06/22
HKT	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	25/05/22	26/05/22	25/05/22
VNG	HSX	Giao dịch đầu tiên 5.000.000 trái phiếu niêm yết			25/05/22
SVD	HSX	Giao dịch 12.900.000 cổ phiếu thay đổi niêm yết			25/05/22
TVW	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	25/05/22	26/05/22	25/05/22
MFS	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	25/05/22	26/05/22	25/05/22
MIE	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	25/05/22	26/05/22	25/05/22
ATS	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	25/05/22	26/05/22	25/05/22
DNM	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	25/05/22	26/05/22	25/05/22
TVD	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (800 đ/cp)	25/05/22	26/05/22	08/06/22
NDN	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	25/05/22	26/05/22	25/05/22
HEJ	Upcom	Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, nhiệm kỳ 2022-2027	25/05/22	26/05/22	25/05/22
SVN	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	25/05/22	26/05/22	25/05/22
CCV	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	25/05/22	26/05/22	25/05/22
BII	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	25/05/22	26/05/22	25/05/22
MBG	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	25/05/22	26/05/22	25/05/22
IMP	HSX	Trả cổ tức năm 2021 (1.500 đ/cp)	25/05/22	26/05/22	24/06/22
MPT	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	26/05/22	27/05/22	26/05/22
VND	HSX	Trả cổ tức năm 2021 (500 đ/cp)	26/05/22	27/05/22	10/06/22
FTM	Upcom	Giao dịch 50.000.000 cổ phiếu đăng ký giao dịch	26/05/22	26/05/22	26/05/22
PV2	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	26/05/22	27/05/22	26/05/22
DC2	HNX	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 10%)	26/05/22	27/05/22	26/05/22
POV	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	26/05/22	27/05/22	26/05/22
VC2	HNX	Trả cổ tức bằng cp (tỷ lệ 18%)	26/05/22	27/05/22	26/05/22
PRE	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	26/05/22	27/05/22	26/05/22



MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
DXS	HSX	Trả cổ tức năm 2020 (tỷ lệ 1.000:66), thưởng cp (1.000:84)	26/05/22	27/05/22	26/05/22
APF	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.500đ/cp)	26/05/22	27/05/22	10/06/22
ART	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	26/05/22	27/05/22	26/05/22
DGT	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	26/05/22	27/05/22	26/05/22
PTB	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền (500 đ/cp) và cổ phiếu (tỷ lệ 10:4)	26/05/22	27/05/22	17/06/22
DTI	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	26/05/22	27/05/22	26/05/22
ITD	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	26/05/22	27/05/22	30/06/22
HDP	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	26/05/22	27/05/22	24/06/22
DBC	HSX	Giao dịch 115.239.430 cổ phiếu thay đổi niêm yết			26/05/22
GIC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500 đ/cp)	26/05/22	27/05/22	10/06/22
CET	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	26/05/22	27/05/22	26/05/22
HTC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (300 đ/cp)	26/05/22	27/05/22	14/06/22
CPH	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	26/05/22	27/05/22	26/05/22
LG9	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	26/05/22	27/05/22	26/05/22
CAG	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (290 đ/cp)	26/05/22	27/05/22	15/06/22
PXL	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	26/05/22	27/05/22	26/05/22
KTC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	26/05/22	27/05/22	26/05/22
DGW	HSX	Giao dịch 44.351.747 cp niêm yết bổ sung			26/05/22
S55	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000 đ/cp)	26/05/22	27/05/22	22/06/22
HPD	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500đ/cp)	26/05/22	27/05/22	10/06/22
NED	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	26/05/22	27/05/22	26/05/22
PXA	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	26/05/22	27/05/22	26/05/22
HVN	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2022	26/05/22	26/05/22	28/06/22
CLL	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	26/05/22	27/05/22	28/06/22
PBT	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (687đ/cp)	27/05/22	30/05/22	20/06/22
TQN	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (4.627đ/cp)	27/05/22	30/05/22	15/06/22
QTC	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	27/05/22	30/05/22	27/05/22
GMA	HNX	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 100:20)	27/05/22	30/05/22	27/05/22
VDM	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu của Công ty	27/05/22	27/05/22	27/05/22
VPW	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (255,41đ/cp)	27/05/22	30/05/22	20/06/22
VIX	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2022	27/05/22	30/05/22	27/05/22
AMV	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	27/05/22	30/05/22	27/05/22
AGM	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2022	27/05/22	30/05/22	28/06/22
DVW	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500đ/cp)	27/05/22	30/05/22	30/06/22
BSC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500 đ/cp)	27/05/22	30/05/22	15/06/22
GIL	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	27/05/22	30/05/22	27/05/22
NTC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	27/05/22	30/05/22	27/05/22
KHD	Upcom	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 lần 2	27/05/22	30/05/22	27/05/22
CDO	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	27/05/22	30/05/22	27/05/22
RCD	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	27/05/22	30/05/22	27/05/22
LIC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	27/05/22	30/05/22	27/05/22
MCO	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	27/05/22	30/05/22	27/05/22



MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
GCB	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	27/05/22	30/05/22	27/05/22
PET	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	27/05/22	30/05/22	28/06/22
CHS	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	27/05/22	30/05/22	27/05/22
EIN	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	27/05/22	30/05/22	27/05/22
BMD	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	27/05/22	30/05/22	27/05/22
VEA	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	27/05/22	30/05/22	27/05/22
VLB	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	27/05/22	30/05/22	27/05/22



XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: VN – Index.

Kỳ hạn đầu tư: 6 đến 18 tháng

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: VN – Index

Kỳ hạn đầu tư: 6 đến 18 tháng

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và không nên xem báo cáo này là nội dung tư vấn đầu tư chứng khoán khi đưa ra quyết định đầu tư và Nhà đầu tư phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại nào là hệ quả phát sinh từ hoặc liên quan tới việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu của công ty. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, Tổng giám đốc, nhân viên có thể có một mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nỗ lực để chuẩn bị báo cáo trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay cam đoan, bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện quan điểm của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo tại thời điểm công bố và không được hiểu là quan điểm của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các Nhà đầu tư bao gồm nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng tại quốc gia nơi báo cáo này được phân phối và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua, bán hay nắm giữ chứng khoán cụ thể nào ở bất kỳ quốc gia nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng Nhà đầu tư. Nhà đầu tư hiểu rằng có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Nội dung của báo cáo này, bao gồm nhưng không giới hạn nội dung khuyến cáo không phải là căn cứ để Nhà đầu tư hay một bên thứ ba yêu cầu Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và/hoặc chuyên viên chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào với Nhà đầu tư hay một bên thứ ba liên quan đến quyết định đầu tư của Nhà đầu tư và/hoặc nội dung của báo cáo này.

Bản báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện có thẩm quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.



GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
Võ Thế Vinh	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	vinhvt@gtjas.com.vn	701
Đỗ Trung Nguyên	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	nguyendt@gtjas.com.vn	702
Trần Thị Hồng Nhung	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	nhungth@gtjas.com.vn	703
Đinh Quang Đạt	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	datdq@gtjas.com.vn	222
Phí Công Linh	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	linhpc@gtjas.com.vn	704
Trần Thị Diệu Khánh	Trợ lý Phân tích	Biên – Phiên dịch	khanhttd@gtjas.com.vn	705



LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM	
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM	
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999		Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: info@gtjas.com.vn Website: www.gtjai.com.vn		Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696